|  |  |
| --- | --- |
| TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM  **CÔNG ĐOÀN VIÊN CHỨC VIỆT NAM** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 423 /HD-CĐVC | *Hà Nội, ngày 31 tháng 10 năm 2022* |

**HƯỚNG DẪN**

**Xây dựng dự toán tài chính công đoàn năm 2023**

Căn cứ Luật Công đoàn năm 2012; Điều lệ Công đoàn Việt Nam; căn cứ Quyết định số 5440/QĐ-TLĐ ngày 10/10/2022 của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn về việc ban hành Quy định về nguyên tắc xây dựng và giao dự toán tài chính công đoàn năm 2023; Hướng dẫn số 65/HD-TLĐ ngày 10/10/2022 của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam về xây dựng dự toán tài chính công đoàn năm, Ban Thường vụ Công đoàn Viên chức Việt Nam hướng dẫn các cấp công đoàn trực thuộc xây dựng dự toán tài chính công đoàn năm 2023 như sau:

**I. Nguyên tắc xây dựng dự toán**

- Chấp hành nghiêm các quy định của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam về công tác tài chính công đoàn.

- Kinh phí công đoàn 2% được tính trên tổng mức tiền lương của những người lao động thuộc đối tượng phải đóng bảo hiểm xã hội (BHXH) theo quy định của pháp luật về BHXH. Do đó, cơ sở xác định Quỹ tiền lương nộp kinh phí công đoàn 2% năm 2023 tại các đơn vị được tính trên tiền lương bình quân đóng BHXH 6 tháng đầu năm 2022 tại đơn vị nhân với số lao động thuộc đối tượng phải đóng BHXH theo quy định của pháp luật về BHXH.

- Đoàn phí công đoàn thu trên số đoàn viên công đoàn theo tiền lương và phụ cấp lương tại từng khu vực và theo Quyết định số 1908/QĐ-TLĐ ngày 19/12/2016 của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

- Phân phối nguồn chi tại các cấp, tỉ trọng chi tại các mục và mức chi của các nội dung đảm bảo theo quy định hiện hành của Nhà nước và của Tổng Liên đoàn.

**II. Một số nội dung chủ yếu trong công tác xây dựng dự toán**

**1. Các khoản thu**

**- Thu kinh phí công đoàn**: Tiền lương làm căn cứ thu kinh phí công đoàn năm 2023 tại các đơn vị được xác định là tiền lương đóng BHXH cho người lao động bình quân 6 tháng đầu năm 2022 nhân với số lao động tại đơn vị thuộc đối tượng đóng kinh phí công đoàn, khuyến khích đơn vị lấy số liệu sát thời điểm lập dự toán năm 2023 *(theo số liệu cơ quan BHXH cung cấp).*

**- Thu đoàn phí công đoàn**: Căn cứ Điều 23, Chương IV, Quyết định số 1908/QĐ-TLĐ ngày 19/12/2016 của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam để các cấp công đoàn xác định số thu đoàn phí công đoàn của đoàn viên tại từng khu vực (hành chính, sự nghiệp; doanh nghiệp) bảo đảm chính xác. Mức thu đoàn phí bình quân 1 đoàn viên năm 2023 bảo đảm không thấp hơn mức thu bình quân 1 đoàn viên công đoàn theo quyết toán năm 2022.

Các đơn vị xây dựng dự toán số thu kinh phí công đoàn và đoàn phí công đoàn năm 2023 tăng 5% so với số ước thực hiện năm 2022.

**- Các khoản thu khác:** Các cấp công đoàn cần tích cực, chủ động trong việc tạo các nguồn thu khác để tăng nguồn thu phục vụ cho hoạt động của tổ chức công đoàn.

**2. Phân phối nguồn thu**: Tỉ lệ phân phối năm 2023 như sau: Công đoàn cơ sở được sử dụng 75%tổng số thu kinh phí công đoàn và 60% tổng số thu đoàn phí; công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở được sử dụng 15% tổng thu kinh phí công đoàn và 20% đoàn phí công đoàn *(khi Tổng Liên đoàn có quy định thay đổi tỷ lệ sử dụng số thu đoàn phí công đoàn của các cấp công đoàn sẽ có hướng dẫn điều chỉnh sau).*

**3. Chi tài chính công đoàn**

- Dự toán chi trong phạm vi nguồn thu được phân phối sử dụng theo quy định; bảo đảm đúng chế độ, thực hiện chi tiêu tiết kiệm chống lãng phí theo quy định của Nhà nước và Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam. Dự toán chi cần tập trung vào các hoạt động thiết thực vì lợi ích cho đoàn viên và người lao động.

- Chi của công đoàn cơ sở: Thực hiện theo Quyết định số 4290/QĐ-TLĐ ngày 01/3/2022 của Tổng Liên đoàn về việc ban hành Quy định về thu, chi, quản lý tài chính, tài sản tại công đoàn cơ sở.

- Chi của công đoàn cấp trên cơ sở: Thực hiện theo Quyết định số 1908/QĐ-TLĐ ngày 19/12/2016 của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn về việc ban hành Quy định về quản lý tài chính, tài sản công đoàn, thu, phân phối nguồn thu và thưởng, phạt thu, nộp tài chính công đoàn; Quyết định 1764/QĐ-TLĐ ngày 28/12/2020 về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tài chính công đoàn; Quyết định số 4291/QĐ-TLĐ ngày 01/3/2022 về việc ban hành Quy định về tiêu chuẩn, chế độ chi tiêu trong các cơ quan Công đoàn.

- Các cấp công đoàn căn cứ các quy định hiện hành chỉ đạo công đoàn cấp dưới lập dự toán chi đại hội (có chi tiết riêng) tổng hợp chung trong dự toán thu, chi tài chính công đoàn năm 2023, thẩm định và phê duyệt cho công đoàn cấp dưới; đồng thời lập dự toán chi đại hội cấp mình tổng hợp trong dự toán thu, chi tài chính công đoàn năm 2023 trình cấp trên phê duyệt.

- Dự toán thu chi tài chính công đoàn năm 2023 của đơn vị nếu sử dụng các quỹ thực hiện theo Quyết định số 4407/QĐ-TLĐ ngày 25/3/2022. Nội dung sử dụng được thuyết minh cụ thể trong hồ sơ dự toán.

**III. Hồ sơ báo cáo dự toán**

Hồ sơ báo cáo dự toán được lập thành **02 bộ** gửi về Công đoàn Viên chức Việt Nam gồm:

- Báo cáo dự toán thu, chi tài chính công đoàn – B14-TLĐ *(dùng cho công đoàn cơ sở).*

- Báo cáo tổng hợp dự toán thu, chi tài chính công đoàn - B15-TLĐ *(dùng cho công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở).*

- Bảng tổng hợp lao động, quỹ tiền lương làm căn cứ thu kinh phí công đoàn của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, đơn vị sản xuất kinh doanh trực thuộc.

- Danh sách lao động, quỹ lương các đơn vị trực thuộc bộ, ban, ngành mà công đoàn trực thuộc Liên đoàn lao động các tỉnh, thành phố.

- Danh sách cán bộ chuyên trách công đoàn.

- Thuyết minh chi tiết dự toán thu, chi tài chính công đoàn năm 2023.

- Báo cáo tình hình thực hiện dự toán 2022.

Các đơn vị nộp báo cáo về Công đoàn Viên chức Việt Nam **trước ngày 12/11/2022** (đơn vị truy cập trang web *congdoanvienchucvn.org.vn* để tải file mềm hướng dẫn và các biểu mẫu báo cáo).

Đề nghị các công đoàn trực thuộc tập trung triển khai thực hiện tốt về nội dung và thời gian. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc liên hệ về Công đoàn Viên chức Việt Nam để được hướng dẫn.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Thường trực BTV (để báo cáo);  - Các công đoàn trực thuộc (để thực hiện);  - Lưu: VT, TC. | **TM. BAN THƯỜNG VỤ**  **PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC** |
|  | **(đã ký)**  **Nguyễn Văn Đông** |

CÔNG ĐOÀN VIÊN CHỨC VIỆT NAM ***Phụ lục 1***

CÔNG ĐOÀN ..................................

DANH SÁCH CÁC CÔNG ĐOÀN CƠ SỞ

ĐƠN VỊ HƯỞNG LƯƠNG TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

**Kèm theo dự toán năm 2023**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên đơn vị** | **Lao động** | **Đoàn viên** | **Tổng quỹ lương** | **Quỹ lương đóng BHXH** | **Ghi chú** |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  | **CỘNG** |  |  |  |  |  |

***Hà Nội, ngày tháng năm***

CÔNG ĐOÀN VIÊN CHỨC VIỆT NAM **Phụ lục 2**

CÔNG ĐOÀN ..................................

BẢNG THỐNG KÊ CÁC ĐƠN VỊ THUỘC BỘ, BAN, NGÀNH MÀ CÔNG ĐOÀN

TRỰC THUỘC CÁC LĐLĐ TỈNH, THÀNH PHỐ

***Kèm theo dự toán năm 2023***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên đơn vị** | **Số lao động** | **Quỹ lương đóng BHXH** | **Thuộc LĐLĐ tỉnh, TP** | **Ghi chú** |
| **I.** | **Đơn vị SXKD** |  |  |  |  |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  | **CỘNG** |  |  |  |  |
| **II.** | **Đơn vị HCSN** |  |  |  |  |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  | **CỘNG** |  |  |  |  |

***Hà Nội, ngày tháng năm***

CÔNG ĐOÀN VIÊN CHỨC VIỆT NAM **Phụ lục 3**

CÔNG ĐOÀN ..................................

**DANH SÁCH CÁC CÔNG ĐOÀN ĐƠN VỊ SẢN XUẤT KINH DOANH**

***Kèm theo dự toán năm 2023***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên đơn vị** | **Số lao động** | **Số đoàn viên** | **Tổng quỹ tiền lương** | **Quỹ tiền lương đóng BHXH** | **Ghi chú** |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  | **CỘNG** |  |  |  |  |  |

***Hà Nội, ngày tháng năm***

CÔNG ĐOÀN VIÊN CHỨC VIỆT NAM **Phụ lục 4**

CÔNG ĐOÀN ..................................

**DANH SÁCH CÁN BỘ, TIỀN LƯƠNG CÁN BỘ CHUYÊN TRÁCH CÔNG ĐOÀN**

***Kèm theo dự toán năm 2023***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Họ và tên** | **Hệ số lương** | **Hệ số PC** | **Tiền lương** | **Ghi chú** |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  | **CỘNG** |  |  |  |  |

***Hà Nội, ngày tháng năm***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Công đoàn cấp trên:**  **Công đoàn:** |  | **Mẫu: B14-TLĐ**  *(Ban hành kèm theo Hướng dẫn số 22/HD-TLĐ ngày 29/4/2021 của Tổng Liên đoàn)* |

**BÁO CÁO**

**DỰ TOÁN THU, CHI TÀI CHÍNH CÔNG ĐOÀN**

**Năm …**

**A- CÁC CHỈ TIÊU CƠ BẢN**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| - Số lao động tính quỹ lương đóng KPCĐ: | người | - Quỹ lương đóng KPCĐ: | đồng |
| - Số đoàn viên: | người | - Quỹ lương đóng ĐPCĐ: | đồng |
| - Số cán bộ CĐ chuyên trách: | người |  |  |

**B- CÁC CHỈ TIÊU THU CHI TÀI CHÍNH CÔNG ĐOÀN:** *ĐVT: đồng*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **NỘI DUNG** | **Mục lục TCCĐ (Mã số)** | **Ước thực hiện năm trước** | **Dự toán năm nay** | **Ghi chú** |
| **I** | **ƯỚC TÀI CHÍNH CÔNG ĐOÀN TÍCH LŨY ĐẦU KỲ** | 10 |  |  |  |
| **II** | **PHẦN THU** |  |  |  |  |
| 2.1 | Thu Đoàn phí công đoàn | 22 |  |  |  |
| 2.2 | Thu Kinh phí công đoàn | 23 |  |  |  |
| 2.3 | NSNN hỗ trợ | 24 |  |  |  |
| 2.4 | Các khoản thu khác | 25 |  |  |  |
|  | a- Chuyên môn hỗ trợ | 25.01 |  |  |  |
|  | b- Thu khác | 25.02 |  |  |  |
|  | **CỘNG THU TCCĐ (2.1+2.2+2.3+2.4)** |  |  |  |  |
| 2.5 | Tài chính công đoàn cấp trên cấp | 28 |  |  |  |
|  | a. Kinh phí công đoàn cấp trên cấp theo phân phối | 28.01.01 |  |  |  |
|  | b. Tài chính công đoàn cấp trên cấp hỗ trợ | 28.02.01 |  |  |  |
| 2.6 | Nhận bàn giao tài chính công đoàn | 40 |  |  |  |
|  | **TỔNG CỘNG THU (II=2.1+2.2+2.3+2.4+2.5+2.6)** |  |  |  |  |
| **III** | **PHẦN CHI** |  |  |  |  |
| 3.1 | Chi trực tiếp chăm lo, bảo vệ, đào tạo đoàn viên và người lao động | 31 |  |  |  |
| 3.2 | Chi tuyên truyền đoàn viên và người lao động | 32 |  |  |  |
| 3.3 | Chi quản lý hành chính | 33 |  |  |  |
| 3.4 | Chi lương, phụ cấp và các khoản phải nộp theo lương | 34 |  |  |  |
|  | a- Lương, phụ cấp... của cán bộ trong biên chế | 34.01 |  |  |  |
|  | b- Phụ cấp cán bộ công đoàn | 34.02 |  |  |  |
|  | c- Các khoản phải nộp theo lương | 34.03 |  |  |  |
| 3.5 | Chi khác | 37 |  |  |  |
|  | **CỘNG CHI (3.1+3.2+3.3+3.4+3.5 )** |  |  |  |  |
| 3.6 | ĐPCĐ, KPCĐ phải nộp cấp trên quản lý trực tiếp | 60 |  |  |  |
| 3.7 | Bàn giao tài chính công đoàn | 42 |  |  |  |
|  | **TỔNG CỘNG CHI (III=3.1+3.2+3.3+3.4+3.5+3.6 + 3.7)** |  |  |  |  |
| **IV** | **TÀI CHÍNH CÔNG ĐOÀN TÍCH LŨY CUỐI KỲ (V=I+II-III)** | 50 |  |  |  |
| **V** | **DỰ PHÒNG** | 70 |  |  |  |

**C- THUYẾT MINH**

|  |  |
| --- | --- |
| **NGƯỜI LẬP** *(Ký, họ tên)* | *Ngày tháng năm* **TM. BAN CHẤP HÀNH** *(Ký tên, đóng dấu)* |

**Công đoàn cấp trên…. Mẫu B15-TLĐ**

**Công đoàn…..**

**BÁO CÁO**

**TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU - CHI TÀI CHÍNH CÔNG ĐOÀN**

Năm…….

**A - CÁC CHỈ TIÊU CƠ BẢN:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chỉ tiêu** | **Mã số** | **Tổng số** |
| A | B | C | 1 |
| **I** | **CÔNG ĐOÀN CƠ SỞ** | 01 |  |
| 1 | Khu vực Hành chính sự nghiệp | 01.01 |  |
| 2 | Khu vực sản xuất kinh doanh | 01.02 |  |
| 3 | Nghiệp đoàn | 01.03 |  |
| **II** | **ĐƠN VỊ CHƯA THÀNH LẬP CĐCS** | 02 |  |
| **III** | **LAO ĐỘNG** | 05 |  |
| 1 | Khu vực Hành chính sự nghiệp | 05.01 |  |
| 2 | Khu vực sản xuất kinh doanh | 05.02 |  |
| 3 | Đơn vị chưa thành lập CĐCS | 05.03 |  |
| **IV** | **TỔNG SỐ ĐOÀN VIÊN** | 11 |  |
| 1 | Khu vực Hành chính sự nghiệp | 11.01 |  |
| 2 | Khu vực sản xuất kinh doanh | 11.02 |  |
| 3 | Nghiệp đoàn | 11.03 |  |
| **V** | **CÁN BỘ CÔNG ĐOÀN CHUYÊN TRÁCH** | 15 |  |
| 1 | LĐLĐ cấp tỉnh, TP và tương đương | 16 |  |
|  | a- Cán bộ trong biên chế | 16.01 |  |
|  | b- Lao động khác | 16.02 |  |
| 2 | CĐ cấp trên trực tiếp cơ sở | 17 |  |
|  | a- Cán bộ trong biên chế | 17.01 |  |
|  | b- Lao động khác | 17.02 |  |
| 3 | Công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn | 18 |  |
| 4 | Đơn vị sự nghiệp hưởng lương từ nguồn TCCĐ | 19 |  |

**B - CÁC CHỈ TIÊU THU, CHI TÀI CHÍNH CÔNG ĐOÀN:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Mã số** | **Ước thực hiện năm trước** | **Tổng hợp**  **dự toán**  **trong kỳ** | **Chia ra** | | | |
| **CĐCS** | **CĐ cấp**  **trên trực**  **tiếp cơ sở** | **Đơn vị**  **sự nghiệp** | **LĐLĐ tỉnh, TP, và tương đương** |
| A | B | C | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| **I** | **TÀI CHÍNH CÔNG ĐOÀN TÍCH LŨY ĐẦU KỲ** | 10 |  |  |  |  |  |  |
| **II** | **PHẦN THU** |  |  |  |  |  |  |  |
| 2.1 | Thu đoàn phí Công đoàn | 22 |  |  |  |  |  |  |
|  | a- Khu vực HCSN | 22.01 |  |  |  |  |  |  |
|  | b- Khu vực SXKD | 22.02 |  |  |  |  |  |  |
| 2.2 | Thu kinh phí Công đoàn | 23 |  |  |  |  |  |  |
|  | a- Khu vực HCSN | 23.01 |  |  |  |  |  |  |
| b- Khu vực SXKD | 23.02 |  |  |  |  |  |  |
|  | c- Đơn vị chưa thành lập CĐCS | 23.03 |  |  |  |  |  |  |
| 2.3 | Ngân sách Nhà nước cấp hỗ trợ | 24 |  |  |  |  |  |  |
| 2.4 | Các khoản thu khác | 25 |  |  |  |  |  |  |
|  | a- Chuyên môn hỗ trợ | 25.01 |  |  |  |  |  |  |
|  | b- Thu khác | 25.02 |  |  |  |  |  |  |
|  | **CỘNG THU TCCĐ** |  |  |  |  |  |  |  |
| 2.5 | Tài chính công đoàn cấp trên cấp | 28 |  |  |  |  |  |  |
|  | a- KPCĐ cấp trên cấp theo phân phối đơn vị trực tiếp báo cáo quyết toán | 28.01.01 |  |  |  |  |  |  |
|  | b- KPCĐ cấp trên cấp theo phân phối đơn vị không trực tiếp báo cáo quyết toán | 28.01.02 |  |  |  |  |  |  |
|  | c- TCCĐ cấp trên cấp hỗ trợ đơn vị trực tiếp báo cáo quyết toán | 28.02.01 |  |  |  |  |  |  |
|  | d- TCCĐ cấp trên cấp hỗ trợ đơn vị không trực tiếp báo cáo quyết toán | 28.02.02 |  |  |  |  |  |  |
| 2.6 | ĐPCĐ, KPCĐ cấp dưới nộp lên | 29 |  |  |  |  |  |  |
| 2.7 | Nhận bàn giao tài chính Công đoàn | 40 |  |  |  |  |  |  |
|  | **TỔNG CỘNG THU** |  |  |  |  |  |  |  |
| **III** | **PHẦN CHI** |  |  |  |  |  |  |  |
| 3.1 | Chi trực tiếp chăm lo, bảo vệ, đào tạo đoàn viên và NLĐ | 31 |  |  |  |  |  |  |
| 3.2 | Chi tuyên truyền đoàn viên, NLĐ | 32 |  |  |  |  |  |  |
| 3.3 | Chi quản lý hành chính | 33 |  |  |  |  |  |  |
| 3.4 | Chi lương, phụ cấp và các khoản phải nộp theo lương | 34 |  |  |  |  |  |  |
|  | a- Lương cán bộ trong biên chế | 34.01 |  |  |  |  |  |  |
|  | b- Phụ cấp cán bộ công đoàn | 34.02 |  |  |  |  |  |  |
|  | c- Các khoản phải nộp theo lương | 34.03 |  |  |  |  |  |  |
| 3.5 | Chi hoạt động của đơn vị chưa thành lập CĐCS | 35 |  |  |  |  |  |  |
| 3.6 | Chi khác | 37 |  |  |  |  |  |  |
|  | **CỘNG CHI TCCĐ** |  |  |  |  |  |  |  |
| 3.7 | Tài chính công đoàn cấp cho cấp dưới | 38 |  |  |  |  |  |  |
|  | a- KPCĐ cấp cho cấp dưới theo phân phối | 38.01 |  |  |  |  |  |  |
|  | b- TCCĐ cấp hỗ trợ cho cấp dưới | 38.02 |  |  |  |  |  |  |
| 3.8 | ĐPCĐ, KPCĐ phải nộp cấp trên quản lý trực tiếp | 39 |  |  |  |  |  |  |
|  | a- Đơn vị trực tiếp báo cáo quyết toán | 39.01 |  |  |  |  |  |  |
|  | b- Đơn vị không trực tiếp báo cáo quyết toán | 39.02 |  |  |  |  |  |  |
| 3.9 | Cấp trả kinh phí cho đơn vị khi thành lập CĐCS | 41 |  |  |  |  |  |  |
| 3.10 | Bàn giao tài chính Công đoàn | 42 |  |  |  |  |  |  |
|  | **TỔNG CỘNG CHI** |  |  |  |  |  |  |  |
| **IV** | **TÀI CHÍNH CÔNG ĐOÀN TÍCH LŨY CUỐI KỲ (V=I+II-III)** | 50 |  |  |  |  |  |  |
| **V** | **KINH PHÍ DỰ PHÒNG** | 70 |  |  |  |  |  |  |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  |  | *Ngày…. tháng……năm 2022* |
| **NG­ƯỜI LẬP BIỂU TRƯ­ỞNG BAN TÀI CHÍNH TM. BAN TH­ƯỜNG VỤ** | | | | | | |
| *(Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên, đóng dấu)* | | | | | | |